

CÔNG TY TNHH HAPPY VIET SHOPPING
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HAPPY VIET SHOPPING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAPPY VIET SHOPPING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HAPPY VIET SHOPPING CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109564766

3. Ngày thành lập: 23/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 26, ngõ 50 Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0789832898

Fax:

Email: nguyenhalinh14289@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
2.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
3.	Bán buôn thực phẩm	4632
4.	Bán buôn đồ uống	4633
5.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649(Chính)
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
12.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690

13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (Không bao gồm kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường).	4669
14.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
15.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket).	4719
16.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
17.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
18.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
19.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
20.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
21.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
22.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
23.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4752
24.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
25.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
26.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
27.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

28.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh.	4772
29.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính).	7730
30.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
31.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
32.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
33.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
34.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
35.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
36.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
37.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
38.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
39.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
40.	Giáo dục nhà trẻ	8511
41.	Giáo dục mẫu giáo	8512
42.	Giáo dục tiểu học	8521
43.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
44.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
45.	Đào tạo sơ cấp	8531
46.	Đào tạo trung cấp	8532
47.	Đào tạo cao đẳng	8533
48.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy máy tính.	8559
49.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục.	8560

50.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
51.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
52.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
53.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
54.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
55.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
56.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
57.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
58.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
59.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
60.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
61.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
62.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
63.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
64.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
65.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
66.	Chăn nuôi gia cầm	0146
67.	Chăn nuôi khác (trừ loại Nhà nước cấm)	0149
68.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
69.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
70.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
71.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
72.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
73.	Nuôi trồng thủy sản nội địa (trừ loại Nhà nước cấm)	0322
74.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa.	4610
75.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
76.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
77.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
78.	Xây dựng nhà để ở	4101
79.	Xây dựng nhà không để ở	4102
80.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
81.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
82.	Xây dựng công trình điện	4221
83.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
84.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
85.	Xây dựng công trình công ích khác	4229

86.	Xây dựng công trình thủy	4291
87.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
88.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
89.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
90.	Phá dỡ	4311
91.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
92.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
93.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
94.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4513
95.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
96.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4530
97.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4541
98.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
99.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4543
100.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
101.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
102.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng) - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
103.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299

6. Vốn điều lệ: 200.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/02/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121707144

Ngày cấp: 10/05/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân Long, Xã Tân Trung, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Tân Long, Xã Tân Trung, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội